## KHUNG MA TRẬN KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

## MÔN KHTN 6

* **Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra giữa kì 1. (Học hết tuần học thứ 8)
* **Thời gian làm bài:** 90 phút.
* **Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).
* **Cấu trúc:**
	+ - Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.
		- Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm; mỗi câu 0,25 điểm (gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 12 câu – 3.0 điểm; thông hiểu: 3 câu – 0.75 điểm; vận dụng cao: 1 câu – 0.25 điểm);
		- Phần tự luận: 6,0 điểm (Nhận biết: 1.0 điểm; Thông hiểu: 2,25 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 0.75 điểm).

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | **Tổng số câu** | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| Chương I. Mở đầu về KHTN(15 t ) | 2(1.0) | 4 | 2(1.25) | 3 | 1(0.5) |  |  | 1 | 5 | 8 | 4.75 |
| Chương II. Chất quanh ta ( 6t)  |  | 4 |  |  | 1(0.5) |  | 1(0.25) |  | 2 | 4 | 1.75 |
| Chương V. Tế bào( 8 tiết) |  | 4 |  |  | 2(1.0) |  | 1(0.5) |  | 3 | 4 | 2.5 |
| Chương VI.Từ tế bào đến cơ thể (3 tiết) |  |  | 1(1.0) |  |  |  |  |  | 1 |  | 1.0 |
| Số câu | **2** | **12** | **3** | **3** | **4** | **0** | **2** | **1** | **11** | **16** |  |
| Điểm số | **1,0** | **3,0** | **2,25** | **0,75** | **2,0** | **0** | **0,75** | **0,25** |  |  | **10,0** |
| Tổng số điểm | **4,0 điểm** | **3,0 điểm** | **2,0 điểm** | **1,0 điểm** | **27** | **10 điểm** |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I**

**MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Mức độ | Yêu cầu cần đạt | Số câu hỏi | Câu hỏi |
| Tự luận | Trắc nghiệm | Tự luận | Trắc nghiệm |
| **I. Mở đầu** |
| 1. Giới thiệu về Khoa học tự nhiên | **Nhận biết**  | – Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên.– Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống. |  | 1 |  | C5 |
| **Thông hiểu** | – Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.– Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống. |  | 2 |  | C6, 7 |
| 2. Giới thiệu một số dụng cụ đo và quy tắc an toàn trong phòng thực hành | **Nhận biết**  | – Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên (các dụng cụ đo chiều dài, thể tích, ...).– Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | – Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành.– Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành. | **1** |  | **C25** |  |
| 3. Kính lúp – Kính hiển vi quang học | **Nhận biết** | – Nêu được cấu tạo của kính lúp và kính hiển vi quang học – Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học. | **1** | 1 | **C21** | C8 |
| 4. Đo chiều dài  | ***Nhận biết*** | - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo chiều dài của một vật.- Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được chiều dài trong một số trường hợp đơn giản.- Trình bày được được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được chiều dài trong một số trường hợp đơn giản. |  | 1 |  | C1 |
| ***Thông hiểu*** | - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng. | **1** | 1 | **C17** | C4 |
| ***Vận dụng*** | - Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của thước.- Dùng thước để chỉ ra một số thao tác sai khi đo chiều dài và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó.- Đo được chiều dài của một vật bằng thước (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số). |  |  |  |  |
| ***Vận dụng cao*** | - Thiết kế được phương án đo đường kính của ống trụ (ống nước, vòi máy nước), đường kính các trục hay các viên bi,.. |  | 1 |  | C2 |
| 5. Đo khối lượng | ***Nhận biết*** | - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo khối lượng của một vật.- Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được khối lượng trong một số trường hợp đơn giản. | **1** | 1 | **C18** | C3  |
| ***Thông hiểu*** | - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng.- Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được khối lượng trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| ***Vận dụng*** | - Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của cân.- Dùng cân để chỉ ra một số thao tác sai khi đo khối lượng và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó.- Đo được khối lượng của một vật bằng cân (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số). |  |  |  |  |
| 6. Đo thời gian | ***Nhận biết*** | - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo thời gian.- Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được thời gian trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| ***Thông hiểu*** | - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được thời gian trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| ***Vận dụng*** | - Dùng đồng hồ để chỉ ra một số thao tác sai khi đo thời gian và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó.- Đo được thời gian bằng đồng hồ (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số). | **1** |  | **C19** |  |
| 7. Thang nhiệt độ Celsius – Đo nhiệt độ | ***Nhận biết*** | - Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật.- Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius.- Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ.- Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| ***Thông hiểu*** | - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng.- Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| ***Vận dụng*** | - Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của mỗi loại nhiệt kế.- Đo được nhiệt độ bằng nhiệt kế (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số). |  |  |  |  |
| ***Vận dụng cao*** | - Thiết lập được biểu thức quy đổi nhiệt độ từ thang nhiệt độ Celsius sang thang nhiệt độ Fahrenheit, Kelvin và ngược lại. |  |  |  |  |
| **II.** **Chất quanh ta** |
| 9. Sự đa dạng của chất | ***Nhận biết*** | - Nhận biết được chất ở quanh ta vô cùng đa dạng chúng có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật sống, vật không sống |  | 2 |  | C13,C14 |
| ***Thông hiểu*** | - Tìm được ví dụ về vật thể quanh ta, nêu ví dụ về chất có trong vật thể.- Nêu được một số tính chất của chất (tính chất vật lí, tính chất hoá học); mỗi chất có tính chất nhất định, dựa vào tính chất ta phân biệt chất này và chất khác.- Tìm được ví dụ về tính chất vật lý và tính chất hóa học của chất. |  |  |  |  |
| 10. Các thể của chất và sự chuyển thể | ***Nhận biết*** | - Trình bày được một số đặc điểm cơ bản của ba thể rắn, lỏng, khí thông qua quan sát.- Nêu được một số tính chất của chất.- Nêu được khái niệm về sự nóng chảy, sự sôi, sự bay hơi, sự ngưng tụ, sự đông đặc.- Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể của chất về sự nóng chảy, sự sôi, sự bay hơi, sự ngưng tụ, sự đông đặc |  | 1 |  | C15 |
| ***Thông hiểu*** | - Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản của ba thể. |  |  |  |  |
| ***Vận dụng*** | - Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển thể của chất |  |  |  |  |
| ***Vận dụng cao*** | - Dự đoán được tốc độ bay hơi phụ thuộc vào 3 yếu tố: nhiệt độ, mặt thoáng chất lỏng và gió. | **1** |  | **C27** |  |
| 11. Oxygen – Không khí | ***Nhận biết*** | - Nêu được một số tính chất của oxygen và nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt cháy nhiên liệu.- Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên- Trình bày được sự ô nhiễm của không khí. |  | 1 |  | C16 |
| ***Thông hiểu*** | – Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan, ...).– Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu.– Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước).– Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên– Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí. |  |  |  |  |
| ***Vận dụng***  | - Đưa ra được biện pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí.– Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí. | **1** |  | **C26** |  |
| **V. Tế bào** |
| 18.Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống. | ***Nhận biết*** | - Nêu được khái niệm tế bào, chức năng của tế bào. - Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào. - Nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào. - Nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh. |  | 3 |  | C9, C11, C12 |
| ***Thông hiểu*** | - Trình bày được cấu tạo tế bào với 3 thành phần chính (màng tế bào, tế bào chất và nhân tế bào).- Trình bày được chức năng của mỗi thành phần chính của tế bào (màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào).- Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống.- Phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật; tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ thông qua quan sát hình ảnh.- Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào -> 2 tế bào -> 4 tế bào... -> n tế bào). |  |  |  |  |
| ***Vận dụng*** | Thực hành quan sát tế bào lớn bằng mắt thường và tế bào nhỏ dưới kính lúp và kính hiển vi quang học. |  |  |  |  |
| 19. Cấu tạo và chức năng các thành phần của tế bào | ***Nhận biết*** | - Trình bày được cấu tạo tế bào và chức năng mỗi thành phần (ba thành phần chính: màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào). |  | 1 |  | C10 |
| ***Thông hiểu*** | - Phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật;- Phân biệt được tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ thông qua quan sát hình ảnh. |  |  |  |  |
| ***Vận dụng cao*** | - Vận dụng để giải thích được màu xanh là do đâu? (lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh). | **1** |  | **C20** |  |
| 20. Sự lớn lên và sinh sản của tế bào | ***Nhận biết*** | - Nêu được cơ chế giúp tế bào lớn lên- Chỉ ra được mối quan hệ giữa sự lớn lên và sinh sản của tế bào. |  |  |  |  |
| ***Thông hiểu*** | - Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào → 2 tế bào → 4 tế bào... → n tế bào).- Hiểu và nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào. |  |  |  |  |
| ***Vận dụng*** | - Vận dụng được ý nghĩa đó vào việc có một chế độ dinh dưỡng hợp lý để có được chiều cao tối ưu.- Vận dụng tính số lượng tế bào được sinh ra | **1** |  | **C23** |  |
| 21. Thực hành: Quan sát, phân biệt một số loại tế bào cơ thể sinh vật | ***Vận dụng*** | Thực hành quan sát tế bào lớn bằng mắt thường và tế bào nhỏ dưới kính lúp và kính hiển vi quang học. | **1** |  | **C22** |  |
| **VI. Từ tế bào đến cơ thể** |
| 22. Cơ thể sinh vật | ***Nhận biết*** | - Nêu được khái niệm cơ thể. Lấy được các ví dụ minh hoạ  |  |  |  |  |
| ***Thông hiểu*** | - Nhận biết được cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào thông qua hình ảnh. Lấy được ví dụ minh hoạ (cơ thể đơn bào: vi khuẩn, tảo đơn bào, ...; cơ thể đa bào: thực vật, động vật,...). | **1** |  | **C24** |  |
| ***Vận dụng*** | - Vận dụng để phân biệt được vật sống và vật không sống: cho ví dụ. |  |  |  |  |

**Trường: TH &THCS Đại Tân ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**Họ và tên:..................................... Môn: KHTN 6**

**Lớp:.............................................. Thời gian: 90 phút**

|  |  |
| --- | --- |
| Điểm | Lời phê |

**I. TRẮC NGHIỆM:(5.0đ) Khoanh tròn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất.**

**Câu 1.** Đơn vị nào là đơn vị đo độ dài hợp pháp của nước ta?

A. Mét (m). B. Kilômét (km). C. Centimét (cm). D. Đềximét (dm).

**Câu 2.** Thả 5 hòn bi vào bình chia độ có chứa sẵn 30cm3 nước thì mực nước dâng lên đến vạch 45cm3. Vậy thể tích của một hòn bi là bao nhiêu?

 A. 15cm3. B. 9cm3. C. 25cm3. D. 3cm3

**Câu 3.** Khi mua trái cây ở chợ, loại cân thích hợp mà người bán hàng dùng là:

A. cân tạ. B. cân Roberval. C. cân đồng hồ. D. cân tiểu li.

**Câu 4.** Trong số các thước dưới đây, thước nào thích hợp nhất để đo độ dài sân trường em

A.Thước thẳng có GHĐ 1m và ĐCNN 1mm

B. Thước cuộn có GHĐ 5m và ĐCNN 5mm

###### C.Thước dây có GHĐ 150cm và ĐCNN 1mm

###### D.Thước thẳng có GHĐ 1m và ĐCNN 1cm

**Câu 5.** Người chuyên nghiên cứu khoa học tự nhiên gọi là:

A. Kĩ thuật viên B. Nhà đầu tư C. Nhà khoa học D. Nhà giáo

**Câu 6.** Hiện tượng nào sau đây *không phải* là hiện tượng tự nhiên?

A. Đinh sắt để ngoài không khí bị gỉ                   B. Hạt nảy mầm

C. Trái Đất tự quay quanh mình nó                     D. Bật công tắc thì đèn sáng

**Câu 7.** Đối tượng nghiên cứu nào sau đây thuộc lĩnh vực sinh học?

A. Trao đổi chất ở sinh vật B. Sự ăn mòn của kim loại

C. Sự chuyển động của Trái đất D. Tốc độ của chiếc xe

**Câu 8.** Kính lúp có tác dụng:

A. Giải phẩu sinh vật B. Đựng mẫu vật

C. Thu nhỏ mẫu vật D. Phóng to mẫu vật

**Câu 9.**Tất cả các sinh vật đều được cấu tạo từ đơn vị cơ bản là:

A. Tế bào B. Cơ quan C. Mô D. Cơ thể

**Câu 10.** Một tế bào được cấu tạo từ các thành phần cơ bản:

A. Màng tế bào, ti thể, nhân/vùng nhân

B. Thành tế bào, tế bào chất, lục lạp

C. Màng tế bào, tế bào chất, nhân/vùng nhân

D. Thành tế bào, ti thể, tế bào chất

**Câu 11.** Tế bào thường có kích thước:

A. Nhỏ (0,5 – 10mm) B. Hiển vi (0,5 - 100µm)

C. Lớn (10 – 100m) D. Trung bình (1 -10 cm)

**Câu 12.** Điền vào chỗ chấm: *Tế bào vi khuẩn có kích thước ……………... tế bào thực vật và tế bào động vật.*

A. Lớn hơn B. Bằng C. Nhỏ hơn D. có thể lớn hoặc nhỏ

**Câu 13.** Vật nào sau đây gọi là vật không sống?

A. Con ong. B. Vi khuẩn. C. Than củi. D. Cây cam.

**Câu 14.** Vật thể nào sau đây là vật thể tự nhiên?

A. Bàn học. B. Cây mít. C. Nhà cửa. D. Cặp sách.

**Câu 15.**Quá trình chuyển từ thể lỏng sang thể khí (hơi) của chất gọi là

A. Sự nóng chảy. B. Sự đông đặc. C. Sự bay hơi. D. Sự ngưng tụ.

**Câu 16.** Ở điều kiện thường, oxi ở trạng thái

A. rắn B. lỏng C. khí D. không xác định được.

**II. PHẦN TỰ LUẬN. (5.0 điểm)**

**Câu 17.** Vì sao phải ước lượng chiều dài của vật trước khi đo? ( 0,5 đ)

**Câu 18.** Kể tên các dụng cụ đo khối lượng?( 0,5 đ)

**Câu 19.** Một người bắt đầu lên xe buýt lúc 13 giờ 48 phút và kết thúc hành trình lúc 15 giờ 15 phút. Tính thời gian từ khi bắt đầu đến kết thúc hành trình là bao nhiêu?( 0,5 đ)

**Câu 20. (0.5đ)** Khi nhặt rau dền cho mẹ nấu cơm, bạn An thấy thân và lá của rau dền có màu đỏ. Bạn An đã học bài ***Cấu tạo và chức năng của các thành phần tế bào*** và biết: thực vật quang hợp là nhờ lục lạp; lục lạp làm lá cây có màu xanh lục. Vậy trong cây rau dền đỏ có lục lạp không? Tại sao không nhìn thấy màu xanh mà cây vẫn có thể số tự dưỡng được? Em hãy giải thích giúp bạn An nhé.

**Câu 21. (0,5đ)**. Quan sát và chú thích hình bên dưới.



**H 1. Cấu tạo kính hiển vi quang học**

**Câu 22. (0.5đ)** Khi làm thí nghiệm quan sát tế bào trứng cá, bạn Linh đã tiến hành các bước thí nghiệm như sau:

Bước 1. Dùng ống nhỏ giọt hút nước vào đĩa peptri đựng trứng cá.

Bước 2. Dùng kim mũi mác dầm mạnh để tách các tế bào trứng cá rời nhau.

Bước 3. Vớt lấy một trứng cá đặt lam kính rồi quan sát bằng mắt thường hoặc kính lúp.

Bạn Linh thực hiện bước nào sai. Giải thích?

**Câu 23. (0.5đ)** Tính số tế bào gan được sinh ra từ 10 tế bào ban đầu trong vòng 3 năm. Biết rằng tế bào gan 1 năm phân chia 1 lần.

**Câu 24. (1.0đ)** Căn cứ vào số lượng tế bào tạo nên cơ thể, sinh vật trên Trái Đất được chia thành những nhóm nào? Cho ví dụ từng nhóm.

**Câu 25. (0.75đ)** Cho biết ý nghĩa của các kí hiệu sau



**Câu 26. (0.5đ)** Tình trạng ô nhiễm môi trường không khí đang là vấn đề nan giải của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Theo thống kê của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) có đến 92% dân số hiện đang sống trong bầu không khí bị ô nhiễm. Điều đó đã có ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống của con người và môi trường tự nhiên. Em hãy nêu một số biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí.

**Câu 27. (0.25đ)** Giải thích tại sao phơi áo quần ngoài trời nắng lại nhanh khô hơn khi phơi trong nhà?

 ------- Hết -------

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**I. TRẮC NGHIỆM** **(5,0đ)** Mỗi câu đúng được 0,33đ

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** |
| **ĐA** | A | D | C | B | C | D | A | D | A | C | B | C | C | B | C | C |

**II. PHẦN TỰ LUẬN (5,0đ)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Thang điểm** |
| **17****(0.5đ)** | Cần ước lượng chiều dài của vật trước khi đo để chọn thước có GHĐ và ĐCNN thích hợp  | 0.5 đ |
| **18****(0.5đ)** | Dụng cụ đo khối lượng là các loại cân: cân đòn, cân đồng hồ, cân y tế, cân điện tử….0,5 đ | 0.5 đ |
| **19****(0.5đ)** | Thời gian người đó bắt đầu đi đến khi kết thúc hành trình là: 1h 27 phút | 0.5đ |
| **20****(0.5đ)** | - Trong rau dền đỏ có lục lạp nên cây có thể sống tự dưỡng- Bạn An không thấy màu xanh của lục lạp vì trong cây có chứa sắc tố đỏ, các tế bào chứa sắc tố nằm bên ngoài, các tế bào chứa lục lạp ở trong nên bị che lấp | 0.25đ0.25đ |
| **21****(0.5đ)** | 1 – Thị kính2 – Ốc to3 – Ốc nhỏ4 – Bàn kính5 – Chân kính6 – Vật kính7 – Gương lấy sáng(Đúng 3 – 4 ý được 0.25) | 0.5đ |
| **22****(0.5đ)** | - Bước 2 sai. Vì Nếu dầm mạnh sẽ làm vỡ các tế bào trứng cá dẫn đến không quan sát được; cần dầm nhẹ để các tế bào trứng cá tách rời nhau. | 0.5đ |
| **23****(0.5đ)** | Số lượng tế bào gan được sinh ra trong 3 năm: 10.23 = 80 tế bào | 0.5đ |
| **24****(1.0)** |  Chia thành 2 nhóm:+ Cơ thể đơn bào, ví dụ: trùng roi, trùng giày, vi khuẩn,…+ Cơ thể đa bào: thủy tức. chim, cây hoa hồng,… | 0.50.5 |
| **25****(0.75)** | C:\Users\Ngoc Lien\OneDrive\Hình ảnh\Ảnh chụp màn hình\Screenshot (16).png: Cấm sử dụng nước uốngC:\Users\Ngoc Lien\OneDrive\Hình ảnh\Ảnh chụp màn hình\Screenshot (14).png : Chất ăn mònC:\Users\Ngoc Lien\OneDrive\Hình ảnh\Ảnh chụp màn hình\Screenshot (17).png: Cấm lửa | 0.25 0.250.25 |
| **26****(0.5)** | - Trồng cây xanh.- Giữ gìn vệ sinh môi trường xung quanh.- Không xả rác bừa bãi.- Tuyên truyền, vận động , nâng cao ý thức cộng đồng về vấn đề bảo vệ môi trường không khí .…… | 0.5 đ |
| **27****(0.25)** | Vì ngoài trời nắng nhiệt độ cao, có gió nên tốc độ bay hơi diễn ra nhanh do đó quần áo nhanh khô. Ở trong nhà nhiệt độ mát, kín gió nên quần áo lâu khô | 0.25 |

----- Hết -----

**Bài làm:**

1. **Trắc nghiệm: (4đ)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| ĐA |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

1. **Tự luân: (6đ)**

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………